

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 6

1. Truyện Duy Xác chùa Sùng Phước ở Kinh đô đời Đường:

Thích Duy Xác họ Liên, vốn là người ở Bằng Dực, chín tuổi đã xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới, vì mẹ và anh đều quy y pháp môn, cho nên Xác theo thọ giáo, do bên trong tĩnh lặng thì bên ngoài phát, nên Sư siêng học chẳng mệt mỏi, lại từ già Vị Vương, tìm thầy mà học. Có lúc được nhà vua mời giảng, lúc thì tham gia luận đàn, hoặc tham vấn Thiền tông hay theo học luật, với ý chí rộng mênh mông đều muốn dung nạp.

Đến tuổi bốn mươi thường ở tại kinh đô, nhận lời mời của gia đình cựu tướng Phòng Dung, trước khi dùng cơm chủ nhà đưa ra hòm kinh rằng: Khi còn làm Tri huyện Nam Thiên quận Nam hải ta dự tính dịch kinh này tự mình ghi chép một bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm để lại nhà cúng dường, nay trong bàn tiệc có mười vị tăng, mỗi vị có thể mở đề một quyển. Xác ngồi ở chỗ thứ tư, mở kinh ra thấy Phú-Lâu-Na hỏi về nghĩa sanh khởi, cảm thấy lời văn uyển chuyển, nghĩa lý sâu xa, bèn phát nguyện soạn số và vẽ tượng Bồ-tát Văn-thù, riêng tụng danh hiệu, công chung là mười năm. Quyết chí vững chắc nên có cảm ứng, mộng thấy nàng tiên cõi sư tử đi vào miệng. Vì vậy mà hạ bút được sáng suốt, dường như giảng Ba-nhã vậy. Kể từ khi phác thảo cho đến hoàn tất, trong lúc nằm ngủ thường thất từ trong miêng mà ra, là trí Văn-thù trong Tổng Hoa Nghiêm, lập thành ba quyển, tự cho là từ trong trí cạn thấp mà ra. Nay đã thịnh hành. Có thuyết nói kinh Lăng-nghiêm ban đầu là do Thiền Sư Thần Tú được bản tại chùa Độ Môn ở Kinh Châu, sau đó vì Sa-môn Tuệ Chấn ở Quán Đào từ chùa Độ Môn truyền ra, được Duy Xác soạn số giải thích.

2. Truyện Hoài Cảm Chùa Thiên Phước ở Kinh đô Đời Đường:

Thích Hoài Cảm, tính mạnh bạo, chịu khổ nhọc theo thầy, hễ chưa nắm được nghĩa lý thì chưa chịu thôi, nhưng không tin niệm Phật, trong

thời gian ngắn là đường tắt sanh An Dưỡng. Thuở nhỏ thích sống theo lối hưởng thụ sung sướng, nghi ngờ chưa giải trừ được, bèn yết kiến ngài Thiện Đạo để giải quyết sự do dự?

Thiện Đạo nói: Người truyền đạo độ người, vì người tin mà giảng, còn người mù mịt thì không đến.

Sư nói: Các Đức Phật nói lời thành thật, không tin thì không giảng.

Thiện Đạo nói: Nếu như sở kiến khiếm niệm Phật, vãng sanh thì há là ma nói sao? Nếu ông tin thì dốc lòng niệm, Phật sẽ có chứng nghiệm, nếu mà vào đạo tràng hai mươi một ngày thì không thấy linh ứng gì đâu.

Sư tự hối hận lỗi mình, muốn tuyệt thực cho đến chết, Thiện Đạo không chấp nhận, bảo hãy thành tâm niệm Phật ba năm, sau bỗng cảm nhận được linh ứng, ánh sáng vàng bạch hào, chứng được niệm Phật tam-muội. Buồn giận cho nghiệp cấu đời trước nặng, vọng tạo các tội nên sám hối phát lộ, Sư soạn luận Quyết Nghi bảy quyển. Khi Sư qua đời quả có Phật đến rước, chấp tay hướng về phía Tây mà đi.

3. Truyện Pháp Hải ở Ngô Hưng Đời Đường:

Thích Pháp Hải, tự Văn Doãn, họ Trương, người ở Đan Dương, thuở nhỏ xuất gia tại chùa Hạc Lâm. Bạch cầu ăn phá đám mạ non, cánh vàng bay lượn trên mặt biển, được thầy chỉ dạy, xem hết các kinh luận, sông cái theo nạp các sông nhỏ, Đặng lâm chim tụ lại là lấy viên nhập nhất tánh học theo bậc Không vương, giỏi về độc ngộ đương thời, phân tích nghĩa lý tiên hiền chưa giải được. Sư cùng một lúc học sáu bộ sách đều thông hiểu, thường bảo mọi người rằng: pháp môn Phật pháp chỉ có tâm địa, ngoài ra đều là khía cạnh, trong niên hiệu Thiên Bảo, Sư tham dự trường giảng của luật sư Pháp Thận ở Dương Châu, Đàm Nhất, Linh Nhất, suy tôn là Nhan Nhiễm, lại cùng Trữ Sơn Trúc công kết làm bạn thâm giao, vui chơi cùng với rừng núi, một trẻ một già cùng học hỏi với nhau.

4. Truyện Tuệ Uyển Chùa Phật Thọ Ký ở Kinh đô Lạc Dương đời Đường:

Thích Tuệ Uyển, người ở Kinh Triệu, thuở nhỏ ngộ nghĩnh có nhiều biệt tài, chán ghét vòng trần gian, nên đối với tịnh vực, lễ ngài Hoa Nghiêm Pháp Tạng làm thầy, dưỡng thần luyện tính, siêng năng không lười, chẳng bao lâu đạt được pháp nghĩa sâu xa, nột ngoại đều

thông, được gọi là Thượng Thủ môn nhân, rất thông hiểu tông Hoa Nghiêm.

Sư dựa theo Luận Bảo Tánh lập ra bốn cách dạy, vì có bốn hạng người không hiểu Như Lai tạng, như người mù, bầm sanh, cho nên phạm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát sơ tâm:

Một khi mê chân, dị chấp giáo thì là phạm phu.

Hai là chân một phần, bán giáo là nhị thừa.

Ba chân một phần, mãn giáo là Bồ-tát sơ tâm.

Bốn chân đầy đủ mãn giáo là biết Như lai tạng.

Các Sư xử phán, có vị thì nương, có vị lại cho là trái, nhưng cương lĩnh của giáo thừa là thuyết của một nhà, hơn nữa, kinh mới dịch chưa có chú thích, người đọc khó nắm bắt, Sư bèn xem lại xem rộng các kinh sách, soạn thành hai quyển, để cho người mới học không cần phải cầu thầy ở đâu xa, biết được chữ gốc, xem không dính mắc. Tuy dựa theo bậc Hiền, cũng không phụ với cách dạy dỗ trong gia đình.

5. Truyện Trí Uy (Tuệ Uy) Chùa Pháp Hoa ở Xứ Châu đời Đường:

Thích Trí Uy họ Tưởng, người ở Tấn Vân, tài năng siêu vượt cõi trần, tuổi nhỏ theo thầy Hiền Viên ở núi Huyện Đan, nghe Thiên Đại giáo tông hưng thịnh, bèn đến chùa Thạch Thành ở Ốc Châu, gần gũi thiền sư Quán Đỉnh cầu thỉnh tâm yếu, đã được nhất dung đạo thể nhị cư tông, định tuệ mới được vừa tịch vừa chiếu, tuy rằng tự lợi rồi mục đích là lợi tha, trời phú cho đa năng với dồi dào ngôn từ, soạn bia chùa Đào Nham từ và bia chùa Đầu-Đà. Tướng khí độ biểu lộ, sau trao phó pháp nhãn cho Tuệ Uy, bấy giờ tương truyền Trí Uy là hậu thân của Từ Lăng, thì sự lanh trí hùng tài ấy có thể biết được là như thế nào.

Thích Tuệ Uy, họ Lưu, người ở Đông Dương, lúc còn nhỏ noi theo tập tục cũ, nên quyết xé rách lưới ái, thẳng vào không môn, không dính mắc ở một nơi mà được ba lợi ích. Nghe thiền sư Tấn Vân đại uy thịnh hành thiền pháp, liền tìm đến nơi một mực dựa theo thầy, chịu khó siêng năng, dầu một ngày đi ngàn dặm cũng không hề than vãn, đến khi có thành tựu, được gọi là Tiểu Uy, nhưng thịch ở nơi núi non yên tĩnh, chỉ dạy đồ đệ cũng khá nhiều, những vị tài giỏi như Tả Khê, Huyền Lăng, v.v... Sư thường tu Chỉ Quán không bỏ phí thì giờ, nói và hành đi đôi với nhau, thanh thân giải thoát, ai mà gọi tên được.

6. Truyện Trạng Nhiên Chùa Quốc Thanh ở Đài Châu đời Đường:

Thích Trạng Nhiên, họ Thích, người ở Thường Châu, ngày xưa sau

khi Phật diệt độ, giáo pháp tiếp nối đến đời thứ mười ba là ngài Long Thọ, mới bắt đầu dùng văn tự, người hiểu rộng Đệ nhất nghĩa Đế, nối tiếp giáo học ấy gọi là Pháp tính tông. Nguyên Ngụy Cao tề có Thích Tuệ Văn, im lặng mà hiểu biết, trao đại sư Nam Nhạc Tư. Vì vậy mà có môn học Tam quán, từ đại sư Trí Giả làm hưng thịnh ở Thiên Thai, ngày càng phát triển rộng lớn, tất nhiên vẫn lấy theo lời dạy của Long Thọ. Trí Giả là cháu đời thứ năm, dựa theo pháp của Tả Khê Lang Công, gia đình gốc là Nho giáo. Sư có chí vượt tục, lúc còn bé đã khác hẳn với các đứa trẻ khác, hai mươi tuổi thọ kinh với tả Khê, thầy hỏi: Ông có mộng thấy gì chăng?

Sư đáp: Từ lâu đã mộng thấy khoác áo Cà-sa, mang hai bánh xe đi lội dưới sông lớn.

Tả Khê nói: Người sẽ dùng hai pháp Chỉ Quán để độ chúng sanh ra khỏi vực sanh tử, bèn truyền cho Chỉ Quán của Bồ đề sư. Sư lắng đọng tinh thần, đức hạnh cao sáng, tiềm thức ấy nằm sâu trong trí tuệ để phát huy tác dụng. Giữa tác lòng hợp với vùng trời bao la, vì vậy dùng người có học để truyền đạo, người học đều vui, như tất cả mọi dòng nước đều đổ ra sông cái.

Vào những năm đầu niên hiệu Thiên Bảo được thay áo nho sĩ làm tăng ni đến chỗ luật sư Đàm Nhất ở Việt Châu học pháp, tìm nắm những phạm vi của chế độ luật. Lại đến chùa Khai Nguyên ở Ngô Quận học thêm Chỉ quán, nhưng không có thầy giảng cho, tự mình mang Mật tạng về Đông nam, nói với đệ tử rằng: Đạo khó hành, ta đã biết rồi, bậc Thánh đời xưa dùng tịnh để xem xét về cội nguồn, động để ứng với mọi vật. Cả hai đều không dừng lại ở một nơi, mới bước vào được đại phương. Người đời nay hoặc bay bổng trên trời hoặc dậm chân tại chỗ, tự làm cho mình bệnh, lại làm cho người khác bệnh, không được vươn lên. Sắp muốn lấy chính là bỏ, cho nên mở rộng thượng pháp, bao gồm muôn hạnh, nhiếp hết các tướng vào không xen hở, tức dùng chữ nghĩa để đạt quán, dẫn lời trầm lặng mà trả về nguồn, đó là noi theo chương cú đã truyền gồm mười mấy muôn lời. Tâm độ các thiền thân không vượt ngoài khuôn khổ, ba pháp học đều được nung nóng, nghi vấn của mọi người ngày càng tan biến dần, giống như tìm châu mà hỏi bóng, hơi thấy công hạnh của vãng tượng. Chỉ quán được thịnh hành bắt đầu do sự góp sức của Trạng Nhiên.

Cuối niên hiệu Thiên Bảo, đầu niên hiệu Đại Lịch (766-779), chiếu thư xuống với liên tục, Sư đều lấy cớ vì bệnh mà từ chối, đang lúc quân cướp nổi dậy nạn đói tràn lan, nêu cao dòng pháp. Người học

càng đông, nhìn về nhà cửa làm nơi nương tựa, Sư dùng tâm nhân từ mà tiếp nhận, cẩn thận mà gìn giữ, trang trải cho một giường mà ở, lấy thân dạy người đến già không ngừng. Niên hiệu Kiến Trung năm thứ ba nhằm ngày mồng 2, Sư thị hiện bị bệnh tại đạo tràng Phật lũng, nói với môn đồ rằng: “Đạo vô phương, tánh vô thể, sống ư? Chết ư? Ý chỉ nhất quán, xương cốt ta sẽ quy tại núi này, trong đêm nay ta sẽ hóa, muốn nói lên lời từ giả với các ông, nhất niệm vô tướng, là không, pháp nào cũng đầy đủ gọi là giả, chẳng phải một, chẳng phải khác là trung. Ở phàm là ba nhân, ở thánh là ba đức, hun đúc trước sau giống nhau, đi ra biển thì cạn sâu khác dòng, tự lợi lợi tha là ở đó mà thôi, các người hãy vững chí mà giữ lấy”, nói xong thì mất, thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi bốn tạng lap, môn đồ nghẹn ngào, xây tháp thờ toàn thân, an táng nơi cạnh đại sư Trí giả. Đệ tử nhập thất có Ngô môn nguyên Hạo, có thể gọi là thân cận nhất.

Sư thường ngày tập soạn giáo pháp, giải thích rõ nghi vấn ở trước, mở lối cho các nghi trệ về sau, cho nên có pháp Hoa Thỉnh Tiêu và Pháp Hoa số ký, đều mười quyển. Chỉ quán phụ hành Truyền hoàng quyết, mười quyển, Pháp Hoa Tam-muội Bồ Trợ Nghi, một quyển, Phương Đẳng Sám Bồ Quyết Nghi hai quyển, Lược Duy-Na số ký mười quyển. Trùng trị Niết-bàn số mười lăm quyển. Luận Kim Tỳ, một quyển, và Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Chỉ quán đại ý và Chỉ quán văn Cú thập Diệu bát nhị môn v.v... thịnh hành ở đời. Nói rõ về việc sư bắt đầu từ niên hiệu Thiên Bảo và kết thúc vào niên hiệu Kiến Trung, dùng tâm tự chứng nói pháp chưa nghe, kinh chưa nêu, mà làm nên việc lớn của nhà Phật, chỉ có sư thôi, người đạt được đạo ấy chỉ có Lương Trúc học sĩ, nên cầm bút lớn mà thành văn từ tuyệt diệu, đề mục ấy chép: Hãy thử luận bàn, bậc Thánh không ra đời, thì trong ấy sẽ có Mạng thế giả ra đời, từ khi Trí giả dùng pháp truyền Quán đỉnh, cho đến đời tả Khê, khoảng thời gian này thì đạo sáng bị mờ tối, chờ ngài mà phát ra vật báu này, nhờ Sư mà dựng lại môn đồ, người được thọ nghiệp thân thông có ba mươi chín vị tăng, các ngài quý tộc nổi danh chịu ép mình mà học cũng chỉ có vài mươi vị. Sư nghiêm đạo tôn, từ xa quy về, nếu chẳng phải là người vì đời mà sanh ra thì đâu được như vậy. Xem bài luận của Lương học sĩ so sánh với nhau, thì chẳng phải bậc cao đức trọng làm sao động lòng được nhà đại nho, không phải danh bút làm sao khắc bia được, mới bước vào cửa nhà đã đoán được sự nguy nga của tông miếu, vì vậy mà lấy đây nghiên cứu lập luận, chúng ta thường có sự không hiểu về đạo của Sư.

7. *Truyện Nguyên Hạo Chùa Khai Nguyên Ở Tô Châu Đời Đường:*

Thích Nguyên Hạo, họ Tần, tự là Quảng Thành, người ở Ngô Môn, tuổi nhỏ theo thiền sư Tuệ Nhất xuất gia tại chùa Linh Sơn ở huyện Tấn Lăng. Sau khi học đầy đủ giới luật được phân phối về chùa Long Hưng làm đệ tử gần gũi Thiền sư Kinh Khê Trạm Nhiên, ban đầu học Pháp Hoa Chỉ quán, đã được đề hồ, nhờ xé đại võng, cảm đại quả, thành đại hạnh, quy đại xứ, lấy làm đại nguyện, ở yên trong tam-muội, thường theo sau Phật, mong được tự đắc mà chẳng ai biết, bí mật ấy sâu xa như Hải ấn tam-muội, không nói ra mà thường làm việc Phật, với khổ hạnh khó làm thì càng noi theo, mặc truyền tâm yếu làm luận làm lý, cở lành linh chi làm công đức, truyền về hậu thế không thể nào nói cho hết, Sư chú giải kinh Đại Niết-bàn, làm lời tựa, ở đầu Văn Đức đẹp viên thật chí nguyện hiển hiện, ghi chép ý đã chứng mà thấy văn rằng: ta nghe vật báu của bậc tiên giác là thường, ở thanh điểm Cửu Hựu bố hòa gọi là Giáo, quy Tông của Suất độ tri hoá gọi là hạnh. Chí cực của sự giao cảm nhân tâm gọi là chứng, nhưng lấy đạo để kèm đời, lấy pháp tánh hợp với vận dụng đang, phải ứng với mé vật trong bóng tối mà hiện lên càng sáng, mở rộng cho đến biến hoá, tự tha được soi rọi, thật ra là truyền bá tiếng tăm, cung kính lắng nghe, suy nghĩ hợp hòa đến cùng cực. Bốn đức sáng tỏ thì thật còn diệu thể, cách biến các nhà thì lần lượt quán các hạnh chí điển khắc tu ngô hầu có thành tích, thật ra là dựa vào nguồn gốc lấy tín để dạy người, Đại Minh Tông cực, phô diễn yếu chỉ mong sẽ có bổ ít ở tương lai, tồn tại những tác dụng hay, tổng hợp lại tất cả ngôn luận, lập thành sách dạy, được lưu hành khắp nơi. Người quy thuận mà vâng theo, thật còn diệu. Pháp yếu rộng lớn ấy như Pháp phụ từ của vua, tự thuật của Tư Mã Thiyên. Quán Trọng có thể nói nặng nhẹ về truyện Xuân thu của Mạnh tử, tuy nhà nho với nhà Phật không cùng một nghĩa.

Ngày 11 tháng 11, niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 12, Sư cáo bệnh, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau nhập Niết-bàn. Chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa, mà là định chân thật của Như Lai. Ngày 13 tháng 11 năm sau Nhật xà-lê. Xây tháp ở cao nguyên phía nam Đông Sơn Hồ Khâu, thuộc Tây bắc Tô Châu.

Lúc học, Sư không màng đến chuyện khác, thường hay theo bên cạnh ngài Trạm Nhiên, giữ lấy từng lời nói, phân tách nghĩa lý một cách không nhằm chán, như các giòng nước nhỏ chảy vào sông cái, đều ghi nhớ tụng thâm, không sót một lời, mấy năm sau mới có người biết.

Trạm Nhiên nói rằng: Hồi cũng như người ngu, ít nói cho người

nghe, biết nhiều chữ nghĩa mà không có tài năng, dưới Lương Điền hai vị cố mà khuyên mời, mới soạn Niết-bàn Kinh Giải Thuật. Hạo cùng với Pháp sư Hoa Nghiêm Trừng Quán trụ chùa Vân Hoa ở Thường đô như du hạ của Khổng tử, về Nho lưu thọ nghiệp, ở hàm Lâm học sĩ Lương Túc, Tô Châu thứ sử Điền Công Đôn, người học Hòa-thượng Trí Hằng, Tử Du, Đạo Nho, Trọng Nghi, Trọng Lương nắm vị trì kinh giảng luận không ngừng. Đại Bỉ, Khâu Ni, Thức Vi Đạo, Tốn Chí chân ngộ cùng cực. Bốn vị này thanh cao, thâm luyện thiền quán. Hạo ban đầu được hai vị quan thỉnh cầu chú thích kinh, nằm mộng thấy rất kỳ quặc, trên bậc thêm nở hoa là điều ít thấy ở nhân gian, chim lành bay quanh, năm mầu rực rỡ. Thứ sử Thôi Cung soạn bia xây tháp tại Hồ Khâu, bên trái đàn đưa La-hán, đằng sau có Hành mãn đạo tiêm Minh Khoáng đều là các tác phẩm của thiên Thai.

8. Truyện Trí Tạng ở Núi Hàng Ô, Ký Dương thuộc Việt Châu đời Đường:

Thích Trí Tạng, họ Bì, thuộc chủng tộc ở Tây Ấn-độ, ông nội là Tùng Hoa, nhiều đời làm hoạn quan. Sau này kiêu cư tại Lô Lăng. Sư lúc nhỏ vào tỉnh xá, thấy tượng, bèn bỏ tục cầu chân, đều lưu tâm đối với tam học, đặc biệt là luật tạng rất là tinh mẫn.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba Sư đến nơi Dự Châu và Chương Châu vì lệ thuộc chùa Thiên Cung, mọi người khẩn cầu Sư lên đàn giảng độ, lúc ấy Sư rất được kính mến mệnh danh là luật hổ, mỗi khi bước lên pháp tọa đều đề xưng tỳ-ni, giảng đường đều chứa đông nghẹt người, nghe không nhàm tai. Biện danh lý, phân tách vi ngôn, liên hoàn đều có thể hiểu được.

Niên hiệu Trinh Nguyên gặp Thiên sư Đại Tịch, được rõ tâm yếu và dựng tiểu thất trên núi Hàng Ô ở Cối Kê, để tu thiền, soạn Hoa Nghiêm kinh diệu nghĩa, có rất nhiều người đến học, đến tháng 2 niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 14, không bệnh mà qua đời, thọ bảy mươi chín tuổi, hỏa táng thu Xá-lợi, xây tháp thờ trên ngọn núi ở phía bắc viện.

9. Truyện Thần Thanh Chùa Tuệ Nghĩa ở Tử Châu đời Đường:

Thích Thần Thanh, tự Linh Dữu, họ Chương, người ở Xương Minh thuộc Miên Châu, anh em ba người nối tiếp nhau xuất gia, đều có tiếng tăm. Sư đứng ở hàng giữa, lúc thụ thai, mẹ kiêng ăn đồ tanh, thời trẻ con lúc vui chơi hề gặp tượng thì tỏ vẻ tôn kính, gặp tăng thì cúi đầu, tuổi

mười ba theo pháp sư Biện Trí học tại chùa Khai Nguyên, lúc ấy điều lệ rất gắt, người xuất gia phải tụng kinh ngàn trang mới được xuống tóc. Thanh tụng kinh Pháp Hoa, Duy-Ma, Lăng-già Phật Đảnh, v.v..., có giống nhau thì tụng thêm. Lúc ấy, cố tướng Kiều Lâm làm Thái Thú quận Miên, rất thương Sư tuổi nhỏ mà tuần tú, đích thân làm lễ xin cho xuống tóc, đến năm mười bảy tuổi thính tập đã hiểu sơ, liền giảng Kinh Pháp Hoa, đúng hai mươi tuổi được luật sư Y Như chùa Tuệ Nghĩa cho thọ giới cụ túc. Mùa hè học Thi-la, nương học Tân sơ, tìm đạt Đại tông, bèn đến thượng đô, vì giỏi văn và ham học được vào trong Ứng phụng, đến tuổi già Sư muốn trở về chùa Tuệ Nghĩa, vừa giảng đạo vừa soạn thuật không có ngày rảnh. Vào niên hiệu Nguyên Hòa Sư qua đời tại Bồn tự, án táng tại Bạch môn Lan-nhã, tức ở phía Bắc ngoài Thê thành.

Sư bình thường thích soạn thuật, ưa làm liên đối, vừa có tài lại chịu khó đào sâu, tam giáo đều hiểu, thông suốt huyền học, nhận thức về nhân luân, hơn hẳn hàng muôn người. Đệ tử già trẻ bốn phương có trên ngàn người. Trước sau soạn được Pháp Hoa Huyền Tiên mười quyển. Thích Thị Niên Chí, ba mươi quyển. Tân luật sơ yếu quyết mười quyển. Nhị chúng Sơ Học Nghi một quyển, Hữu Tông Thất Thập Ngũ Pháp Sơ (cũng gọi là pháp nguyên ký) một quyển, đây đều giải thích ngũ vị sắc tâm, tâm sở bất tương ưng, vô vị mà Tiểu thừa chấp không thể là pháp thể tính nghiệp dụng đều nêu rõ, cho nên gọi là pháp nguyên. Thức tâm luận, Trùng quán luận, Nghĩa Sao mấy quyển, Bắc sơn tham thiên ngữ lục mười quyển, Tính chung hơn trăm trục, đều lưu hành ở đời, tựu trong ngữ lục bao gồm tam giáo, rất được các danh nho cao tăng khắp nam bắc yêu chuộng. Cho nên gọi Bắc sơn thống Tam giáo huyền chỉ, thật ra là lục thôi, cho nên Tham huyền. Xét các tác phẩm của Sư, ít nói rõ về ý chỉ hai quyền một thật của kinh, lại nói rõ về sự sâu sắc của luật luận tiểu thừa.

Sư có tướng mạo lạ lùng, trắng trẻo, tướng quốc Thôi Qui theo dõi từng lúc từng việc, nên soạn bài tán rằng: Đạo mạo giống như Tam Tạng Huyền Trang. Môn nhân rất nhiều, người nổi bật nhất là Nghĩa Tướng, cũng là người thừa kế sự nghiệp của Sư.

10. Truyện Doan Phủ Chùa Đại An Quốc ở Kinh đô đời Đường:

Thích Doan Phủ, họ Triệu, người ở Thiên Thủy, mẹ là Trương phu nhân, nằm mộng thấy vị Phạn tăng nói rằng: Bà sẽ sanh quý tử, vừa nói vừa từ trong túi lấy Xá-lợi ra bảo bà nuốt vào. Đến khi sanh, vị tăng đã

gặp trong mộng, giữa ban ngày đi thẳng vào phòng, vò đầu đứa bé nói rằng: Người sẽ làm hưng thịnh giáo pháp, nói xong liền biến mất.

Đứa bé dần dần khôn lớn thành với dáng vẻ trán cao, mắt sâu, cằm rộng, miệng vuông, thân cao sáu thước năm tấc, âm thanh như tiếng chuông, sẽ gánh vác Bồ-đề của Như Lai, làm tai mắt của sanh linh. Cho nên có biểu tượng đặc biệt như vậy. Bắt đầu mười tuổi theo Thiên sư Đạo Ngộ làm sa-di tại chùa Sùng Phước, mười bảy tuổi được độ làm tỳ-kheo, thuộc chùa An Quốc, do Chiếu luật sư truyền giới cụ túc ở chùa Tây Minh, học tỳ-ni với luật sư Thăng tại Sùng Phước, được pháp sư Tố truyền Duy thức tại chùa An Quốc, học thông kinh Niết-bàn với luật sư Ngân tại Phước Lâm. Sư lại nằm mộng thấy vị Phạn tăng mang Xá-lợi đầy bình lưu ly đến bảo nuốt hết, lại nói rằng: Tam Tạng Đại giáo đều chứa trong bụng ông rồi đấy. Từ đó, kinh luật luận Sư là người vô địch ở đương thời, bao gồm cả sông ngòi lẫn đầu nguồn hội tụ lại, nước tuy là thao thao, nhưng chẳng thấm được đến bờ bến, phải chặt cây còi để ruộng tình mưa cam lộ thấm cho người trồng pháp, tất nhiên phải có kẻ dững trí hùng biện, mới gặp được Văn-thù ở Thanh Lương. Các vị Thánh đều hiện giảng Đại kinh ở Thánh Nguyên, khắp kinh thành đều nhóm họp lại nghe.

Đức tông Hoàng đế nghe danh, mời Sư vào triều phủ, được tự do ra vào nơi cung cấm, luận bàn với nhà nho và đạo sĩ, được ban tặng y tía, cuối năm được ban thưởng trọng hậu hơn hẳn mọi người, lại được chiếu gọi phụng sự cho Hoàng Thái tử nơi đông triều. Thuận Tông hoàng đế rất kính mến phong độ của Sư, thân như anh em, ân lễ rất trọng hậu. Hiến Tông Hoàng đế đã mấy lần đến thăm viếng chùa, đối đãi với nhau như bạn, thường hay chiếu cố, chú ý luôn luôn với vẽ mặt tao nhã, tiếng nói vang vọng, hợp với ý chỉ vua, khế hợp với chân thừa, tuy có biện luận với người nhưng không ngoài mở mang làm mục đích. Thiên tử càng biết Phật lý là bậc đại thánh, có việc không thể suy nghĩ, bàn luận, triều đình mới dẹp xong giặc tại Tây hạ, bắt giữ Ngô Oát Thục Trư, Thái Đăng, vậy mà thiên tử khoan tay như vô sự. Chiếu phủ hương dẫn tăng đón rước chân cốt tại Linh Sơn. Mở pháp trường ở Bí điện, vì mọi người cầu phước, đích thân dâng nhang đèn, dù có hành hình thì không làm cho tàn phế hay ô trọc, trẻ con không khóc than, biển cả không có sóng to, Vua Chân Tông noi theo đức sáng của Tỳ Đại Chánh. Nhà vua muốn biểu hiện hùng tài vĩ lực của mình, đương nhiên cần phải có đường lối bí mật sâu xa, trông coi nội điện pháp nghi lục, tả nhai tăng sự, để làm tiêu biểu cho tăng chúng, suốt mười một năm giảng kinh luận Niết-bàn,

Duy Thức. Dương Nhân truyền trao Tông chủ, để mở ra khuyến dụ người xuất gia, tại gia gồm một trăm sáu mươi ngôi. Vận ba mật Du-già, hợp vô sanh ở tất-đàn, hằng ngày trì các bộ hơn mười muôn biến. Chỉ Tịnh độ là nơi nghỉ ngơi, Nghiêm Hoa Nghiêm, Kim Cương vì vì ân báo pháp, trước sau cung thí mấy trăm muôn lượng, đều để tô điểm cung điện, tô vẽ cùng cực mà phương trượng giường đơn tịnh lự tự được, quý tộc đều dựa theo, giới hào hiệp công thương đều kính mến tiến cống để tỏ lòng thành, trang nghiêm đủ lễ, hằng ngày đều không dưới cả ngàn phong thư, mà Sư tức là Phật của chúng sanh, lia bốn tướng để tu thiện, trong lòng như đất bằng, bậc vương công hay hạng phu xe đều được đón tiếp chân thành, người cho rằng lấy làm thành tựu thì không khinh hạnh, chỉ có phủ một mình mà thôi. Muốn cứu lấy người trầm mê trong biển cả, vượt đến bờ bến thì phải có kỳ công diệu đạo.

Niên hiệu Khai Thành năm đầu, nhằm ngày mồng 1 tháng 6, Sư nằm nghiêng bên hông phải, mặt hướng về Tây mà hóa, lúc ấy đang là mùa hè, mà sắc mặt Sư vẫn tươi tỉnh, suốt đêm có mùi thơm lạ không tanh, ngày mồng 6 tháng 7 dời quan đến cao nguyên phía nam Trường Lạc, theo lời căn dặn của Sư thực hành hỏa táng, được hơn ba trăm hạt xá-lợi, óng ánh như ánh sáng thân, linh cốt đã thiêu được ban tặng danh hiệu Đại Đạt, tháp hiệu Huyền Bí, thọ sáu mươi bảy tuổi, đệ tử tăng ni khoảng hơn ngàn vị, hoặc giảng luận Huyền ngôn, hoặc kỷ cương đại tự, tu thiền kiêm luật, chia ra hơn năm mươi vị thầy, kẻ làm quan có hội xương tướng quốc Bùi Công Hưu, có làm bia ca tụng đức hạnh của Sư.

11. Truyện Tông Mật Chùa Thảo Đường Ở Khuê Phong Đời Đường:

(Viên thiền sư, Chiếu thiền sư).

Thích Tông Mật, họ Hà, người ở Tây Sung thuộc Quả Châu, nhà vốn là hào thịnh nhưng kém hiểu sách nho, muốn quan hệ với đời cứu lấy sanh linh. Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ hai, tình cờ yết kiến Thiền sư Viên ở Toại Châu, Viên chưa nói chuyện với Sư, đã tỏ vẻ ưa thích, bèn cho xuống tóc thọ giáo, năm ấy được thọ giới cụ túc với Luật sư Chứng, yết kiến kinh Nam Trương, Trương nói: “Người truyền giáo dạy người, phải tuyên đạo ngay tại kinh đô”, lại tìm đến thiền sư Chiếu ở Lạc Dương, Chiếu nói: “Người là Bồ-tát, có ai biết được “cuối cùng gặp được Hoa Nghiêm quán” ở Thường Đô.

Quan nói: “Tỳ-lô Hoa Tạng có thể theo ta du hành, chỉ có mình người hay sao? Ban đầu ở đất Thục nhân theo thứ lớp thọ kinh được viên giác mười hai chương, đào sâu được nghĩa lý, thế truyền kinh này. Tại

Hán thượng, nhân vị tăng bị bệnh, trao cho Hoa Nghiêm cú nghĩa, chưa từng học tập tức thì giảng ngay, vì vậy soạn sổ sao cá bộ Viên giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cương, Khởi tín, Duy Thức, Vu-Lan-Bồn, Pháp Giới Quán, Hạnh Nguyễn kinh, v.v... và Pháp Nghĩa Loại Lệ Lễ Sám Tu Chứng đồ truyện Toàn Lược. Lại tập hợp thiền ngôn của các Tông thành thiền Tạng, làm bài tựa chung, cùng trả lời thư kệ nghị luận v.v..., lại soạn Tứ Phần Luật số năm quyển, Sao huyền đàm hai quyển. Tất cả khoảng hai trăm mấy quyển, sáu bức đồ hình, đều vốn nhất tâm mà quán các pháp, hiển bày chân thể mà dung hòa sự lý, vượt ngoài sự đối đãi của mọi người, thâm hợp với vật ngã mà riêng vận hành. Sư vào trong nội điện hỏi pháp yếu ấy.

Niên hiệu Đại Hòa năm thứ hai, làm lễ khánh thành, ban cho y tín làm đại đức, tìm về nơi núi rừng. Niên hiệu Hội Xương năm đầu, nhằm ngày mồng 6, tháng 1, Sư ngồi diệt độ ở Hưng Phước tháp viện, vẻ mặt vui vẻ như ngày thường, ngày hôm sau tự dời phục thân vào hòm, đủ biết năng lực tự chứng ấy là như thế nào, ngày 22 tháng ấy, người tại gia, xuất gia cùng đưa đến Khuê Phong, ngày 13 tháng 2, cử hành hỏa táng, được mấy mươi hạt xá-lợi, trong trắng láng bóng, môn nhân khóc lóc xin tro đem về, phần còn lại đều gồm thâu để trong hang đá, đủ biết lòng từ vô duyên như thế nào. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, ba mươi bốn tăng lạp, di chúc để lại là hãy để thầy cho chim thú rĩa ăn đốt cốt thành tro mà rải ra, chớ đừng xây tháp, đừng để cho thương xót mà loạn thiền quán. Mỗi khi thanh minh lên núi phải nghe giảng đạo liên tục bảy ngày mới về. Ngoài ra những nghi thức chủ trì phải hợp với khoa luật, ngược lại là không phải đệ tử ta.

Ban đầu, Mật Đạo tiếng tăm thơm tho, dân chúng trong nước mến mộ như thế, triều quý đáp ứng cũng như vậy. Vào niên hiệu Trường Khánh, Nguyên Hòa về sau, trung quan lập công, người chấp chánh là Khổng Xí, trong ngoài đổ kỵ, mọi người nằm trong cảnh nguy kịch. Lúc ấy, tể thần Lý Huấn rất trọng về Mật đạo và trong khai thành ngục cam lộ phát. Trung quan lãnh năm trăm cấm binh ra thành, gặp đầu giết đó. Lúc ấy, Vương Nhai Giả là Sơ Thư Nguyên Dư đang ăn uống tại nhà Trung Thư, hay tin chạy trốn vào núi Chung Nam, theo Sư, Lý Huấn cầu xuống tóc để trốn, người tùy tùng ngăn cản, Huấn đổi hướng đi Phụng Tường, Cừu sĩ Lương biết được, sai người bắt Sư nhập tá quân, quy cho mấy tội chết để hại.

Sư thần nhiên nói: “Bần đạo biết Lý Huấn lâu năm cũng biết ông ta sắp phản, nhưng giáo pháp của Bốn sư, gặp khổ thì cứu, không muốn

nhìn người chết mà cam tâm. Trung úy Ngư Hoàng Chí vui mừng. Tấu xin xóa tội. Triều thần đều cảm động mà chảy nước mắt. Có người hỏi rằng: Sư vì thiên hay vì luật, hoặc là kinh luận?

Sư đáp: một nước chiến tranh bốn mặt, con người không cần phải có danh tiếng, đều có thể gọi là Đại trí, đó là Viên Minh, Tự Chứng, Lợi Tha Đại Bồ-tát.

Cho nên Bùi Hữu Luận soạn chép: Có người cho là Sư không giữ thiên hạnh mà giảng kinh luận một cách rộng rãi, hay là du hành nơi danh ấp đại thành để xây dựng chùa chiền, vì danh tiếng mà cực nhọc. Chẳng phải vì danh vì lợi hay sao? Than ôi! Bọn người luận bàn có biết được cái thú vui của đại đạo chăng. Nhất tâm tức là tổng thể của muôn pháp, phân ra mà thành giới định tuệ, mở ra là sáu độ, tan ra là muôn hạnh, muôn hạnh chẳng phải nhất tâm sao? Nhất tâm chưa hề sai trái với muôn hạnh, tức là một trong sáu độ của thiên đấng, đâu thể chung với các pháp được, trái lại Như Lai giao phó pháp nhãn cho Ca-Điếp không lấy pháp hành, cho nên tự tâm mà chứng ra pháp, tùy nguyện mà khởi là hành, chưa hẳn phải thường giống nhau, nhưng nhất tâm là do muôn pháp mà sanh mà không lệ thuộc muôn vạn pháp. Kẻ đạt được thì pháp tự tại, kẻ thấy được thì đối với giáo không trở ngại đấng. Vốn chẳng phải là pháp thì không nên nói pháp, không phải giáo thì không nên dạy đời, đâu thể dựa theo dấu vết mà tìm cầu được? Từ Ca-điếp đến Phú-Na-xa, gồm mười vị tổ, đều được La-hán hóa độ, cũng do các vị La-hán Mã Minh, Long Thọ, Đề-Bà bắt đầu mở ra Đại thừa, soạn luận giải kinh, phá diệt ngoại đạo, các Bồ-tát đề xướng đầu tiên, Tôn giả Xà-Dạ lấy giới lực làm uy thần, tôn giả Ma La thì lấy khổ hạnh làm đạo tích, tất cả các Tổ hoặc rộng hành pháp giáo, hoặc chuyên tâm thiền tịnh, hoặc thiên thối mà đi, hoặc hỏa hóa mà diệt, hoặc leo cây để thị hiện cái chết, hoặc chịu nạn mà đền nợ, đó là pháp thì giống nhau nhưng hành thì không giống nhau. Dựa theo vết cũ chẳng phải là hạnh tốt, giữ theo quy tắc cũ cũng chẳng phải là đồ khéo, không nhanh lẹ không gọi là trâu mạnh, không hơn hẳn mọi người thì không phải là đại sĩ. Vì vậy đạo của Sư, lấy tri kiến làm diệu môn, im lặng làm chánh vị. Lòng từ nhẫn làm giáp thuẫn, Tuệ Đoạn làm Kiếm mâu, phá bức tường của nội Ma, vây hãm trận mạc của cướp ngoài, trấn phủ tà tạp, giải mở lưới lòng, gặp kẻ lang thang thì quát nạt cho về nhà, gặp gái nghèo thì mắng cho về chăm lo cửa nhà; cùng tử không về, gái nghèo không giàu. Thấy ta xấu hổ lắm. Ba thừa không hưng thịnh, Tứ phần luật, không mở mang, thấy ta rất thẹn. Trung hiếu không cùng gánh

vác được trách nhiệm, lòng thầy then thùng, tránh danh kẹt tướng, tăng thêm ngã mạn, thầy ta cũng then lòng, nên vội vàng muốn cứu giúp, gấp rút dạy bảo, chẳng do một hạnh mà tự cao, chẳng ỷ một đức mà tự túng, con người phải có nơi nương tựa, không đợi thỉnh cũng đến. Có kẻ cầu lợi ích không đợi phần phát cũng mở; tuy trẻ con không phân biệt tiếp ứng, chạy nhảy bừa bãi, không lưỡi, lấy đó độ sanh lại giúp cho sự cai trị nước nhà. Vì vậy những người nắm được pháp của Sư, gặp nghèo thì ban cho, gặp hung bạo thì kèm chế, gặp ngang bướng thì tùy, theo gặp chống trái thì thuận, gặp hỗn độn thì mở lối, gặp kẻ truy lạc thì tạo điều kiện cho phần chấn lên. Kẻ tự hãnh diện phải bên lòng. Kẻ tự kiên phải hóa mềm dẻo. Kẻ vì tư tình phải vì công, kẻ chìm đắm trọng vọng tình phải dùng việc nghĩa, phạm sĩ tục có kẻ bỏ nhà và vợ, cùng nhập vào pháp, phạm chùa mà ở, có kẻ đổi nghề, không ăn thịt mà giữ giới pháp, dựng nhà làm cận trụ, có kẻ ra chăm lo chánh sự để cứu vớt bệnh khổ lấy làm Đạo, có kẻ thối quan mà về phụng dưỡng cha mẹ lấy làm hạnh. Ngoài ra có kẻ lơ là mà đến, hời hợt mà đi, phát tay mà đến, đầy bụng thì về. Còn rất nhiều việc không thể nói hết, thật là Bồ-tát của Như Lai gởi gắm, là bạn thân của chúng sanh, là người của bốn y hay là người của Mười Địa, ta không hiểu cảnh giới lĩnh vực ấy rộng hẹp sâu cạn. Người nghị luận làm sao biết được sở thú của đại đạo, sự hiểu biết được lòng bậc đại nhân chỉ là thế thôi. Sư hiểu tâm rất nhiều là nhiều không ai sâu sắc hơn là Thăng Bình tướng quốc, bởi đồng khí tương cầu. Vua Tuyên Tông lại mở mang Chân thừa, muôn điều lành đều có thứ lớp, truy tặng thụy hiệu Định Tuệ Thiền sư, tháp hiệu Thanh Liên, đệ tử và quần chúng đưa tang có đến mấy ngàn người.

Hệ rằng: Bài luận của tướng quốc Hà Đông, có thể gọi là tuyệt bút, có Tông Mật thì có Bùi tướng quốc, ngược lại không có Bùi tướng quốc thì đâu biết được Mật công, hai vị có liên quan với nhau. Đức hạnh của Tông Mật rất tròn, ứng trên thân của Tế quan, thì lời nói của Bùi tướng quốc có thể đo lường được.

12. Truyện Thừa Ân Chùa Tây Minh ở Kinh đô đời Đường:

Thích Thừa Ân, không biết người ở đâu, tuổi trẻ đã ham học, tìm thầy khắp nơi, nhà học ở nơi nào cũng tìm đến, thường hay dạy dỗ môn đệ rằng: Ham học gần người trí, gắng sức mà hành gần người nhân, nhân trí thành tựu, tuy là khác tên nhưng đồng là thật, đến địa vị Bồ-tát như viên bi lăn xuống dốc. Sư thích người vì học mà không quên giảng dạy. Đến cuối niên hiệu Thiên Bảo quan Trung có làm phản nên Sư

tránh nạn đến Cô Tang. Sư đi đến nơi gọi là Bí Mật, gần đất Khương lỗ, nơi này rất chuộng kinh luận, Sư dạy người tại nơi ấy khiến cho thành công, nhiệm sâu về phong tục tập quán bên Hoa Hạ, đều bước vào nơi tình nghĩa, tự mình soạn lại Bách Pháp luận số, tại nơi Tây thổ, gốc số ấy là Từ Ân dựa theo Lão Phủ, đại để phân nhiều giống nhau, sau này đệ tử truyền bá ra. Đến niên hiệu Hàm thông năm thứ 4 tháng 3, tăng pháp Tây Lương kính tin nghiên cứu đạo này. Bấm với Tiết Độ sứ của đạo này, Trương Nghĩa Triều, dâng biểu tiến dâng các tác phẩm của Thừa Ân, vua sắc lệnh Lương nhai Tam học đại đức v.v... xét định rõ ràng, thật đáng hành dụng, sắc y theo số tăng mà ban tặng y tía, bổ sung bậc Đại đức của đạo này.

13. Truyện Tri Huyền ở núi Đan Cảnh thuộc Bành Châu đời Đường:

Thích Tri Huyền, tự là Hậu Giác, họ Trần, người ở Hồng Nhã Mi Châu, Tăng tổ là Đồ Nam làm huyện Lệnh Xạ Hồng ở Tử Châu, ông nội là Hiến, cha là mạo đều không thành đạt trên danh trường, mẹ họ Ngụy mộng thấy mặt trăng chui vào lòng, vì vậy mà mang thai cho đến khi sanh, lúc Sư còn bú chưa biết nói, gặp tượng Phật hay hình tăng đều vui vẻ, lên năm tuổi, ông nội bảo làm thơ, Sư bước mấy bước đã thành bài thơ rằng: “Hoa nở đỏ cả cây, hoa ho rụng trở muôn cành, chỉ còn một đóa, còn mất tùy gió thổi”, ông nội khen rằng: Ta nuôi đứa cháu này, sẽ đậu thủ khoa, tẩy rửa sỉ nhục cho hai đời. Nay thấy chí của đứa trẻ này, chẳng phải để truyền đời, sẽ bắt đầu từ nơi cửa Phật tiến triển.

Quả thật, mới bảy tuổi gặp pháp sư Pháp Thái giảng kinh Niết-bàn tại chùa Ninh Di, vì chùa ở gần nhà, nên Sư hằng ngày đến nghe giảng, mỗi khi Huyền nghe nói pháp, hình như nhìn thấy kiếp trước của mình. Trong đêm mộng thấy tay Phật trong điện nhà chùa hay vò đầu, thức dậy nói với ông nội, xin vào làm Sad-di trong chùa. Thân tộc thấy diệu này không kềm chế được nên bằng lòng, đến năm mười một tuổi mới được xuống tóc, bèn theo thầy đến chùa Tứ An ở ấp Đường Hưng, truyền cho Đại Kinh bốn mươi hai quyển. Viên Công nghĩa số, Biện Không sư Viên chỉ, cộng chung một trăm hai mươi lăm muôn lời, đều bao gồm nghĩa sâu xa, năm mười ba tuổi chỉ trích người xuất gia lộ bày khí thế của bậc lão thành. Lúc ấy, Thừa tướng Đỗ Công Nguyên xuống làm Trấn Tây Thục, nghe tiếng tăm của Huyền, gọi đến Thăng đường, giảng đàm tại chùa Đại Từ, dưới lầu Phổ hiền, dân chúng đến cả muôn người, mọi người đều kinh ngạc vô cùng. Kể từ đây người Thục

không còn gọi tên, Sư mà gọi bằng danh hiệu là Trần Bồ-tát. Truyền lại cho rằng: tiền thân của Huyền tên là Tri Huyền, giảng kinh Thập địa tại núi Tam học thuộc Hán Châu, chiêu cảm làm cho đất biến thành Lưu ly. Sư thọ giới cụ túc với luật sư Biện Trinh tại chùa Tịnh Chúng, mới nghe tỳ-ni tiếp tục thông luận Câu-Xá, được sự giao phó của Luật sư Cố ở núi Trường Thập, lại theo Bồn sư xuống Tam hiệp, qua Kinh Châu và Tương Dương, đến chùa Tư Thánh ở Thần kinh. Chùa này là nơi tập trung các vị Tứ hải tam học, Huyền giảng nói kinh luận, tại gia xuất gia đều kính ngưỡng, người bên ngoài đến ngày càng nhiều. Văn tông Hoàng đế hay được mời Sư vào cung để thưa hỏi, rất hợp ý vua. Sau này Sư học luận Duy thức với pháp sư An quốc Tín, lại nghiên cứu ngoại điển, lời của kinh sách trăm nhà đều có tổng hợp, Sư chỉ ngại về tiếng địa phương không được thông suốt, bèn tụng chú Đại bi tại núi Tượng nhĩ. Mộng thấy vị thần tăng đến cắt lưởi thay cho lưởi mới, ngày hôm sau bỗng biến thành Tần ngữ. Có ông Đại nho Dương Mậu Hiếu, theo Sư nghiên cứu nội điển, muốn y theo Tạ Khang Lạc chú thích kinh Niết-bàn, phần nhiều cầm quyển kinh hỏi về những điều nghi, Sư phải theo mà giải thích từng phần.

Mậu Hiếu viết thư nêu rằng: Bậc Long tượng trong nước hiện nay, ngoài thầy thì còn ai, tiếp theo là biểu dương hình bộ Nhữ sĩ Cao, Tả thừa NguyênDũ, Trường an Dương Lỗ Sĩ, đều muốn tạo lập môn phái kết thành Liên xã. Một hôm, Sư đang ngồi, nhìn thấy Mậu Hiếu mặc ca-sa tía, đội mũo xanh đến lạy ba lạy xong nường hư không mà bay đi. Huyền bảo người dò xét, cho biết rằng, đêm hôm ấy Mậu Hiếu nói với con rằng: Ta thường muốn xuống tóc khoác Ca-sa, mang bình xách gước theo hầu ngài Trí Huyền, nhưng còn kẹt là vì tóc mũo. Đến lúc ta vào quan tài phải dùng Ca-sa tím, mũo hoa sen xanh, đến đây mới nghiệm được điều đã thấy ở trước.

Vua Vũ Tông lên ngôi, ban đầu còn sùng kính nhà Phật, sau nghe lời theo kẻ đầu độc, hướng về cúng tế. Trên núi Phùng lai xây cao đài để cầu vũ hóa, tuy gián quan can ngăn, Tể tướng thường khuyên, nhưng đều không hồi tâm chuyển ý. Nhân lễ Đức Dương tổ chức hội Truy Hoàng tại điện Lân Đức, riêng ban chiếu, cho Sư đối địch với đạo môn rằng: Thần tiên là đáng học hay không đáng học? Vua khoanh tay phó cho đạo Lão lấy việc nước như lấy tô canh vậy.

Sư trình bày lý lẽ với nhà Vua rằng: Sự giáo hóa căn bản của Đạo giáo, nói thuật thần tiên là ở trong núi rừng, hàng thất phu riêng về sự nghiệp cao thượng nhưng lại giúp cho túc nhân. Chẳng phải thích nghi

với bậc vương giả đâu, sông từ ngữ đổ vào biển ngôn Biện, hoành chú có cả mấy ngàn lời. Người nghe cũng phải nổi ốc khắp mình, đại nghịch với thượng chỉ, tả hữu đều thất sắc, Tả hộ quân Thù Sĩ Lương, Nội khu mật Dương Khâm Nghĩa, rất thương mến biện tài e sẽ bị trục xuất, bèn thâm ngâm thơ cống chúc vua nghiêu, Sư lập tức làm thành năm bài, bài cuối rằng: “Sanh thiên vốn tự nghiệp sanh thiên, chưa hẳn cầu tiên mà thành tiên, lưng hạc nghiêng nguy, lưng rồng trơn, quân vương hãy trụ một ngàn năm”. Vua xem bài thơ hơi hiểu đôi chút, tuy không nghe lời can ngăn, nhưng lại khen tặng kiến thức ấy. Sư trở về Ba Mân cự sơn, theo lệ bố thí khăn lược, mà còn xem xét giới rõ ràng hơn, dùng thuyền nhỏ đi vào cảnh Hồ Tương, khi ấy, Dương Cấp Sự Hán công liêm thì hỏi về Quế lãnh, dừng chân tại Khai nguyên Phật tự, thuộc niên hiệu Long Phi đời vua Tuyên Tông. Dương công từ nội khu mang tả cấm quân. Sách Định công Cao thỉnh phục hưng Thiên Trúc giáo, tấu xin tìm tông tích của Trí Huyền, Huyền trở về chùa Bửu Ứng, Thuộc Thọ xưng tiết giảng tán, được ban thưởng ca-sa tía và làm thủ tọa của Tam giáo. Vua y theo phiên để cũ làm chùa Pháp Càn, chiếu Huyền ở tại đình Ngọc Hư của chùa. Niên hiệu Đại Trung năm thứ ba, vua ban chiếu gián nghị Lý di Tôn. Cấp sư Dương Hán Công truy hoàng đỉnh liệt luận Nghĩa, lòng vua rất vui, lệnh cho trong nước phá chùa cũ xây lại chùa mới, đại hưng phạn xá, Huyền góp sức rất lớn, còn cho họa sĩ vẽ hình trong cung cấm, được trọng đãi như vậy, cùng tướng quốc Bùi công Hưu kết thành bạn thân, cùng Khích Dương trung hưng giáo pháp. Năm thứ tám dâng biểu xin trở về nơi cũ, đại hành lợi tế, được lợi rất nhiều. Mùa xuân niên hiệu Quảng Minh năm thứ 2, Vua Hỷ Tông lánh nạn ở Tây thực, vua sai Quách trung Thái mang thư đến thỉnh Sư cùng đi, trên đường cùng đàm luận, làm cho lòng vua rất cởi mở.

Tả quân Dung Điền lệnh tư và các quan hỏi đạo rất ân cần, Vua muốn biểu dương cái đẹp cái hay, bèn bảo các học sĩ soạn hiệu cho Sư, đều chưa đạt được vừa ý, bèn tự cầm ngự bút viết rằng: Trẫm muốn mở lối ngộ nhập vào tôn chỉ của Pháp Hoa, kẻ ngộ giác sẽ sáng, ngộ đến đại Đạo thì ngộ Phật, lại nói: ngộ thì trong một sát-na, chẳng ngộ thì trong Hằng sa kiếp, cho nên kẻ ngộ chân thừa hiểu rõ về nghĩa thành Phật. Nay ban cho danh hiệu Ngộ Đạt quốc sư.

Nhà vua gượng dùng danh hiệu để biểu lộ ý trẫm, Sư khước từ không được, bèn khẩn cầu được trở về nhà xưa ở Cửu Lũng, nhằm ngày 21 tháng 1, năm mộng thấy từng đi du lịch, những thắng cảnh danh tích đều hiện ngay trước mặt, ngày mồng 7 tháng 2, nghe tiếng nói từ trên

hư không vọng xuống: chắc chắn sanh tịnh độ.

Sư liền hỏi lại rằng: Tiếng nói từ đâu vọng đến thế?

Trả lời rằng: là lời của Phật!

Trong tháng 7, Sư nghe bên ngoài có tiếng giao đấu, đang băn khoăn có một Bồ-tát giáng xuống trước nhà, dần dần đến gần chỗ Sư, căn dặn rằng: chớ nên thấy cái khổ này mà hệ lụy, nói xong biến mất. Lại một hôm, có một hạt ngọc, từ bên chân trái của Sư chạy chuỗi xuống, khổ sở vô cùng, nhìn lại trong hạt ngọc ấy rõ ràng có hai chữ Triệu Thố, bèn biết Tri Huyền là Viên Anh, từng vì bảy nước làm phản, Anh tâu vua chém đầu Thố để đáp tạ các vua Ngô Sở. Sư gọi đệ tử Từ Đăng đến kể tai nói nhỏ dặn rằng khi chết phải bỏ xác một nửa dưới sông cho cá rửa, một nửa để trên bờ cho chim thú ăn, tuyệt đối không được chôn cất, ta đã có hẹn với Tây phương Tịnh độ như vậy từ lâu rồi. Huyền phó thác xong, trở mình về hướng Tây mà hóa, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn tăng lạp.

Vào niên hiệu Hàm Thông, Sư từng du hành đến Trạch Châu, hỏi pháp sư Tiểu Viễn sanh cùng năm, mất cũng cùng ngày tháng. Sư kiên giữ giới cấm, ít muốn, không ăn quá ngọt. Không ăn rau quả, chỉ mặc vải thô nằm trên cỏ khô, mỗi ngày hành đức mấy tiếng đồng hồ, đêm ngủ một canh (hai giờ), thời gian còn lại thì ngồi thiền. Đối với chúng sanh không phân biệt sang hèn hay lớn nhỏ, đãi ngộ như một, kết bạn thân riêng, nhất là Bùi tướng Quốc, ban đầu, Bùi trấn thủ ở kinh môn. Huyền đến núi Ngũ Đài, đường đi lộ ra Thử cung, tặng quà Sư không nhận, Bùi biết là vì tiết kiệm, nên lén sai người từ từ cung cấp trên dọc đường, lúc đi qua Lạc Cốc huyện Chân Phù, Nhà họ Ung có đầm, trong đầm có cá lớn như rồng, có bốn chân và răng bén, nhà ấy hằng ngày nuôi bằng thức ăn, đến nay đã bốn đời rồi, mỗi khi định bắt lên làm thịt thì trời kéo mây mù mịt. Huyền gõ vào thuyền vò đầu, cá 1a trở mắt và nhảy lên, liền được quy y. Chẳng bao lâu, nhà họ Ung được báo mộng rằng: Ta cảm tạ người bảo vệ nuôi dưỡng mấy đời, nay được quy y sống trên cõi trời, xin từ giã đây.

Còn một chuyện nữa, đó là đạo giang ngọc lữ sơn thần miếu Lý Vĩnh và các vị thần ở Quách Long môn, phía Bắc Ích Xương, đều thọ giới pháp, không ăn máu thịt, lại có Lý Thương Ẩn một bậc văn hào không ai sánh bằng, thường hay đến chơi với Liễu công tử Đồng Mạc, đã lâu hâm mộ đạo học của Tri Huyền, xin vào làm đệ tử. Ở làng Vĩnh Sùng Sư trụ chùa Hưng Thiện. Nghĩa Sơn bị bệnh đau mắt, đôi người tối tăm chỉ nhìn về thiên cung, âm thầm mà cầu nguyện, hôm sau, Sư gọi

thiên nhãn kệ ba chương, đọc xong mắt rục sáng trở lại.

Sau này, Nghĩa Sơn bị bệnh, có nói với Tăng Lục và Tăng Triệt rằng: “Đời ta có chí nguyện xuống tóc làm đệ tử ngài Tri Huyền, nay sắp chết xin gửi thư kệ từ biệt.

Tri Huyền lúc còn sống có soạn Như Lai Tạng Kinh Hội Thích Sở hai quyển, nhờ Ngài Tăng Triệt soạn pháp giám, Đại vô Lượng thọ kinh số hai quyển, Tăng Triệt soạn Pháp Đăng Loại Chương Chỉ. Thắng Man Kinh Số, bốn quyển, Tăng Triệt soạn Pháp Uyển, để sửa chữa chỗ sai sót, giống như Vĩ thư, Bát-nhã Tâm kinh và kinh Kim Cương đều có số nghĩa, ngoài ra giữa nước Tần Thục, có soạn Thích Thị tạp Văn Ngoại Thiên Châm, nói về bia chí và thi ca, chép thành hơn hai mươi quyển, Lễ sám văn sáu quyển, hợp chung là ba mươi muôn lời, sau này dời tháp đến chùa Phụ Thanh, núi Trà Lũng, niên hiệu, Trung Hòa năm thứ hai, đệ tử Tả nhai Tăng lục Tịnh quang Đại sư, Tăng Triệt thuật truyện pháp Tôn hữu Nhai tăng lục Giác Huy, đệ tử của Huy là Ngụy Thục Hựu Thánh Quốc Sư, Trùng Tôn Quang Nghiệp Tăng lục, Phùng Tường phụ ghi chép, Huyền Chân Lý Nghĩa Sơn Chấp phát thị lập.

14. Truyện Tăng Triệt Chùa Đại An Quốc Ở Kinh Triệu Đồi Đường:

Thích Tăng Triệt, không biết người ở đâu, thiên tư lanh lợi, thanh cao vượt bậc, tuổi nhỏ thông minh mà ham kính mến Ngô Đạt Quốc sư, thường hay đến gần giảng đàn, hầu bên cạnh giảng sư, không hề cảm thấy nhàm chán, ngộ được Tân nghĩa biệt chương. Được thầy dặn dò, giao phó cho Triệt truyền bá, là số kinh Như Lai Tạng, soạn Pháp Giám, bốn quyển, Đại Vô Lượng thọ kinh số, soạn Pháp đăng hai quyển. Thắng-man Sư Tử Hống Kinh Số, soạn pháp uyển mười quyển, xem xong Ngô Đạt soạn số, như truyện Tả Khâu Minh, Sư soạn tam pháp sao, cũng như tạp giải của Đỗ Phục, ban đầu Sư trụ chùa Pháp Càn, nội ngoại các môn đều học cho nên lời bút rất cao, tâm Sung hữu nhai ứng chế, mỗi khi gặp ngày đản sinh Sư lên điện Lâm Đức giảng pháp tòa đàm. Vua sắc ban cho Cà-sa tía, ý Tông Hoàng đế lưu tâm nhà Phật, hễ gặp tám ngày chay đều tổ chức bữa cơm chay trong cung điện khoản đãi chúng tăng, nhà vua vì tham gia pháp tập nên đích thân tụng kinh, Triệt thì lên đàm ngâm tụng, ban tặng quà rất nhiều, cho làm Đan Đàn mộc giảng tọa, lại ban sắc cho Lương Nhai bốn chùa thực hành Phương Đăng sám pháp, giới đàn độ tăng đều hai mươi một ngày, đặc biệt tuyển chọn tăng ni đại đức hai mươi vị, vào điện Hàm Thái lập độ.

Ni Thiện trong chùa Phước Tsao chép Đại tạng kinh, mỗi tạng gồm năm ngàn bốn trăm sáu mươi một quyển, tạc tượng một ngàn pho, đều giao cho Sư triết xem xét.

Chọn ngày 14 tháng 11, nhân dịp lễ Diên Khánh điện, Lâm Đức triệu tập tăng đạo trong kinh thành vào đó giảng luận, những ngày gần đây Sư soạn Hoàng Du, từ biện trong sáng, rất được nhà vua khen ngợi, lại nêu cao Phật lý, bàng nhiếp hoàng quan, có thể gọi là Tiết hành dị luận, đương thời gọi là Pháp Tướng. Vua rất vui mừng, ban tặng cho danh hiệu Tịnh Quang Đại sư. Niên hiệu Hàm Thông năm thứ 11, tiếp tục sao lục Lương Nhai tăng sự.

Ban đầu Sư qua sông vượt biển, mạnh mẽ cố gắng, giảng quán tại chùa Thanh Long, dựa theo nghĩa ý của Ngô Đạt Quốc sư, gửi trình sớ kiến, Mông Quýnh tám mươi bốn chữ rằng:

Quan quân pháp uyển tư sung hự, giải ngã chân thừa nhĩn hữu dư.

Nhược sử long quang thời khả đãi, Ứng Lâm Tăng Triệu luận thành sơ.

Ngũ xa ngoại điển tri nan địch, cửu thú đa tài khủng bất như.
Tiêu tự giảng hiên hoành đàm đãng, Đế hương vân thọ chánh phù sớ.

Kỷ sanh tăng đắc xà du ý, Kim nhật kham tương bối điệp thư.
Nhất chấn vi ngôn quán thiên cổ, Hà nhân chấp quyển vấn ngô lư.

Nhà vua xem xong, trong lòng vui buồn lẫn lộn, bài thơ mang đầy

cảm xúc, vì trong lúc Quảng Minh bọn cướp phạm vào cung khuyết, Hỷ Tông lánh nạn về tây Thục, đêm ấy Sự nghỉ trong chùa, ngày hôm sau thượng hoàng cùng với Đỗ Quang Đình tiên sinh, hồ tòng vào Mân Nga, gặp lại Ngô Đạt kể lể về gian nan. Sự có rất nhiều tác phẩm, bia tụng, thi ca v.v... không biết Sư mất ở đâu.